

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2025
của Trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - Xã hội**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ- XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ Quyết định số 2043/ QĐ-BGĐT, ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025 của Trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ- Xã hội.

(Chi tiết theo biểu số 02 ban hành kèm theo TT 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2025 của Bộ Tài chính)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính- Kế toán và các Phòng, Khoa liên quan trong Trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu TH,KTTC

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ- XÃ HỘI**



TS. Nguyễn Thị Hoài

Đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ- XÃ HỘI

Chương 024

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1566/CĐXD&CNXH, ngày 12/8/2025 của Trường CĐXD &CNXH)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	550
1	Thu học phí	550
2	phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	539
1	Chi sự nghiệp	539
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	539
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	11
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.365
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.365
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.365
	Kinh phí không tự chủ	26.365
	+ Kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị	8.913
	+KP miễn, giảm học phí theo NĐ81/2021/NĐ-CP	16.851
	+ KP hỗ trợ học sinh theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	290
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	311
4	Chi các hoạt động kinh tế 280-332	0